TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-3-2023
"Về việc tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Quân.

2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuần

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 18/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2022, về việc "*Tranh chấp ly hôn"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh T, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng

2. Bị đơn: Anh Lê Q sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Tr, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31-8-2022, lời khai của chị Huỳnh T trong quá trình tham gia tố tụng trình bày:

Vào năm 2002 chị và anh Lê Q kết hôn nhưng đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống chị và anh Q có một người con chung tên Lê Đ, sinh ngày 15/10/2003. Chị và anh Q không xác lập tài sản chung và cũng không có nợ chung. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2008 vợ chồng thường xuyên cự cải qua lại với nhau nguyên nhân bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên chị đã bỏ về nhà mẹ ruột và sống ly thân với anh Q từ năm 2008 đến nay. Chị thấy không còn tình cảm với anh Q. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Q.

- Về con chung: Cháu Lê Đ đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Q đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên hòa giải hai lần và được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa hai lần nhưng anh Lê Q đều vắng mặt và không có lời trình bày.

Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất và không thống nhất: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhiều lần gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh T về việc cho chị T ly hôn với anh Lê Q; về con chung, tài sản chung và nợ chung, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; buộc chị Huỳnh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, suốt quá trình thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Nguyên đơn chị Huỳnh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lê Q. Đồng thời bị đơn có địa chỉ tại ấp Tr, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt chị Huỳnh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng anh Lê Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo chị Huỳnh T khai thì cả hai đều tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 140, quyển số 01, vào ngày 08/12/2005. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với tài liệu đã cung cấp là Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã H cấp ngày 25/10/2005 nên xác định hôn nhân giữa chị Huỳnh T và anh Lê Q là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn chị T trình bày năm 2008 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vả do bất đồng quan điểm. Do đó chị đã bỏ về nhà mẹ ruột và sống ly thân với anh Q từ năm 2008 đến nay. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị nhận thấy không còn tình cảm với anh Q nên xin ly hôn.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm, không hiểu nhau dẫn đến vợ chồng phát sinh cãi vả nên chị T và anh Q đã sống ly thân đến nay (hơn 14 năm), không ai quan tâm cuộc sống của ai. Lời khai của chị T về việc vợ chồng sống ly thân thời gian dài cũng phù hợp với biên bản xác minh ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T tại địa phương về tình trạng hôn nhân cuả anh chị (bút lục 31-33). Hiện vợ chồng chị T và anh Q mỗi người đều có cuộc sống riêng, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã mời hòa giải hai lần vào các ngày 02/12/2022 và 30/01/2023 để tạo điều kiện hàn gắn hôn nhân giữa chị T và anh Q. Mặc dù đã được tống đạt hợp lệ mẹ anh Q nhận thay và có điện thoại thông báo cho anh nhưng anh Q đều vắng mặt không có lý do, chứng tỏ anh Q cũng không có ý muốn hàn gắn cùng chị T. Trong các lần hòa giải chị T khẳng định không còn yêu thương anh Q. Từ những nhận định trên chứng

tỏ mâu thuẫn giữa chị T và anh Q đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh Q.

[4] Về con chung: Chị Huỳnh T và anh Lê Q có 01 người con chung tên Lê Đ, sinh ngày 15/10/2003 đã thành niên sống tự lập, chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh T khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Anh Lê Q vắng mặt nên không có lời khai. Hội đồng xét xử dành cho anh Lê Q quyền khởi kiện một vụ kiện khác nếu có yêu cầu và chứng minh được về tài sản chung và nợ chung.

[6] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Huỳnh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Lê Q không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho nguyên đơn chị Huỳnh T được ly hôn với bị đơn anh Lê Q.

2. Về con chung: Chị Huỳnh T và anh Lê Q có 01 người con chung tên Lê Đ, sinh ngày 15/10/2003 đã thành niên sống tự lập, chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh T khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Anh Lê Q vắng mặt nên

không có lời khai. Hội đồng xét xử dành cho anh Lê Q quyền khởi kiện một vụ kiện khác nếu có yêu cầu về tài sản chung và nợ chung.

4. Về án phí: Chị Huỳnh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ngoan đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011633 ngày 17/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh. Chị Huỳnh T đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Quyền